

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGŨ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:1

Tại phòng:

100

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS       | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|--------------------|------------|---------|
| 1   | 100001 | 10A1 | Hà Di An           | 09/12/2009 |         |
| 2   | 100002 | 10D4 | Lê Tâm An          | 14/08/2009 |         |
| 3   | 100003 | 10D1 | Lê Thanh An        | 12/06/2009 |         |
| 4   | 100004 | 10D2 | Ngô Gia An         | 16/10/2009 |         |
| 5   | 100005 | 10D3 | Nguyễn Bảo An      | 02/07/2009 |         |
| 6   | 100006 | 10A4 | Nguyễn Hà An       | 19/02/2009 |         |
| 7   | 100007 | 10D2 | Nguyễn Hà An       | 19/02/2009 |         |
| 8   | 100008 | 10D1 | Trịnh Vân An       | 24/06/2009 |         |
| 9   | 100009 | 10A5 | Vũ Ngọc Tâm An     | 13/01/2009 |         |
| 10  | 100010 | 10A6 | Bùi Mai Anh        | 06/11/2009 |         |
| 11  | 100011 | 10A2 | Đàm Ngọc Hoàng Anh | 18/11/2009 |         |
| 12  | 100012 | 10D1 | Đàm Ngọc Minh Anh  | 10/11/2009 |         |
| 13  | 100013 | 10D2 | Đỗ Minh Anh        | 23/04/2009 |         |
| 14  | 100014 | 10A4 | Đỗ Vi Anh          | 05/06/2009 |         |
| 15  | 100015 | 10D1 | Hà Tuấn Anh        | 16/11/2009 |         |
| 16  | 100016 | 10D5 | Hoàng Kim Anh      | 27/08/2009 |         |
| 17  | 100017 | 10D2 | Hoàng Vân Anh      | 03/01/2009 |         |
| 18  | 100018 | 10D4 | Lê Đào Quỳnh Anh   | 08/06/2009 |         |
| 19  | 100019 | 10A4 | Lê Huy Anh         | 05/12/2009 |         |
| 20  | 100020 | 10A1 | Lê Nguyễn Bảo Anh  | 10/11/2009 |         |
| 21  | 100021 | 10D3 | Lê Phương Anh      | 27/12/2009 |         |
| 22  | 100022 | 10D1 | Lê Thục Huyền Anh  | 11/02/2009 |         |
| 23  | 100023 | 10D2 | Ngô Việt Anh       | 06/12/2009 |         |
| 24  | 100024 | 10D3 | Nguyễn Bảo Anh     | 27/02/2009 |         |
| 25  |        |      |                    |            |         |
| 26  |        |      |                    |            |         |
| 27  |        |      |                    |            |         |
| 28  |        |      |                    |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGŨ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:2

Tại phòng:

103

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100025 | 10A5 | Nguyễn Diệu Anh       | 27/06/2009 |         |
| 2   | 100026 | 10A1 | Nguyễn Duy Anh        | 16/02/2009 |         |
| 3   | 100027 | 10A5 | Nguyễn Duy Trung Anh  | 11/08/2009 |         |
| 4   | 100028 | 10D4 | Nguyễn Đàm Bảo Anh    | 15/01/2009 |         |
| 5   | 100029 | 10A3 | Nguyễn Đỗ Duy Anh     | 03/07/2009 |         |
| 6   | 100030 | 10D2 | Nguyễn Đức Anh        | 12/10/2009 |         |
| 7   | 100031 | 10A2 | Nguyễn Hiền Giang Anh | 18/05/2009 |         |
| 8   | 100032 | 10A6 | Nguyễn Minh Anh       | 17/07/2009 |         |
| 9   | 100033 | 10D1 | Nguyễn Minh Anh       | 08/08/2009 |         |
| 10  | 100034 | 10D2 | Nguyễn Ngân Anh       | 07/10/2009 |         |
| 11  | 100035 | 10D3 | Nguyễn Ngọc Anh       | 19/01/2009 |         |
| 12  | 100036 | 10A6 | Nguyễn Ngọc Phúc Anh  | 26/02/2009 |         |
| 13  | 100037 | 10A4 | Nguyễn Như Tuấn Anh   | 20/01/2009 |         |
| 14  | 100038 | 10D5 | Nguyễn Phúc Anh       | 30/05/2009 |         |
| 15  | 100039 | 10A3 | Nguyễn Thị Hà Anh     | 04/03/2009 |         |
| 16  | 100040 | 10D3 | Nguyễn Tùng Anh       | 15/09/2009 |         |
| 17  | 100041 | 10D5 | Nguyễn Vũ Kỳ Anh      | 06/04/2009 |         |
| 18  | 100042 | 10A5 | Phạm Quang Anh        | 03/08/2009 |         |
| 19  | 100043 | 10D4 | Tạ Nam Anh            | 27/09/2009 |         |
| 20  | 100044 | 10A6 | Thân Đức Anh          | 10/05/2009 |         |
| 21  | 100045 | 10D4 | Trần Châu Anh         | 17/03/2009 |         |
| 22  | 100046 | 10D1 | Trần Hà Anh           | 17/03/2009 |         |
| 23  | 100047 | 10A4 | Trần Lâm Minh Anh     | 08/08/2009 |         |
| 24  | 100048 | 10A5 | Trần Minh Anh         | 01/04/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:3

Tại phòng:

105

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100049 | 10D2 | Trần Văn Anh          | 31/05/2009 |         |
| 2   | 100050 | 10D3 | Trịnh Vũ Châu Anh     | 30/03/2009 |         |
| 3   | 100051 | 10D4 | Vũ Châu Anh           | 30/03/2009 |         |
| 4   | 100052 | 10D1 | Vũ Duy Anh            | 10/10/2009 |         |
| 5   | 100053 | 10D5 | Đỗ Hồng Ánh           | 22/04/2009 |         |
| 6   | 100054 | 10A1 | Nguyễn Ngọc Ánh       | 31/10/2009 |         |
| 7   | 100055 | 10A2 | Nguyễn Thị Minh Ánh   | 16/01/2009 |         |
| 8   | 100056 | 10A1 | Đặng Trần Bách        | 26/01/2009 |         |
| 9   | 100057 | 10A2 | Đinh Nguyễn Việt Bách | 12/10/2009 |         |
| 10  | 100058 | 10A2 | Đỗ Trần Xuân Bách     | 07/01/2009 |         |
| 11  | 100059 | 10A3 | Nguyễn Chí Bách       | 08/07/2009 |         |
| 12  | 100060 | 10D2 | Nguyễn Tường Bách     | 28/10/2009 |         |
| 13  | 100061 | 10A4 | Hoàng Kim Bảo         | 03/07/2009 |         |
| 14  | 100062 | 10A5 | Hồ Gia Bảo            | 30/12/2009 |         |
| 15  | 100063 | 10A2 | Lê Gia Bảo            | 04/10/2009 |         |
| 16  | 100064 | 10D3 | Nguyễn Đăng Quốc Bảo  | 13/09/2009 |         |
| 17  | 100065 | 10A2 | Nguyễn Lê Bảo         | 03/08/2009 |         |
| 18  | 100066 | 10A6 | Nguyễn Ngọc Bảo Bảo   | 22/12/2009 |         |
| 19  | 100067 | 10D4 | Nguyễn Tuấn Bảo       | 24/11/2009 |         |
| 20  | 100068 | 10D1 | Nguyễn Xuân Minh Bảo  | 15/10/2009 |         |
| 21  | 100069 | 10A4 | Trương Khánh Bảo      | 13/09/2009 |         |
| 22  | 100070 | 10A5 | Vũ Gia Bảo            | 26/01/2009 |         |
| 23  | 100071 | 10A6 | Nguyễn Gia Bình       | 28/02/2009 |         |
| 24  | 100072 | 10D5 | Trương Gia Bình       | 04/03/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:4

Tại phòng:

106

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 100073 | 10D1 | Bùi Vũ Bảo Châu      | 10/06/2009 |         |
| 2   | 100074 | 10A3 | Đào Vũ Minh Châu     | 09/01/2009 |         |
| 3   | 100075 | 10D2 | Lưu Mai Châu         | 08/05/2009 |         |
| 4   | 100076 | 10A6 | Mai Minh Châu        | 31/10/2009 |         |
| 5   | 100077 | 10D3 | Nguyễn Bảo Châu      | 19/06/2009 |         |
| 6   | 100078 | 10D4 | Nguyễn Gấm Minh Châu | 27/09/2009 |         |
| 7   | 100079 | 10D1 | Nguyễn Minh Châu     | 26/04/2009 |         |
| 8   | 100080 | 10D2 | Nông Hoàng Bảo Châu  | 13/08/2009 |         |
| 9   | 100081 | 10D3 | Phạm Minh Châu       | 01/05/2009 |         |
| 10  | 100082 | 10D5 | Phạm Ngọc Bảo Châu   | 10/06/2009 |         |
| 11  | 100083 | 10D4 | Trần Bảo Châu        | 25/11/2009 |         |
| 12  | 100084 | 10A4 | Trần Hoàng Bảo Châu  | 24/11/2009 |         |
| 13  | 100085 | 10A5 | Trần Minh Châu       | 25/10/2009 |         |
| 14  | 100086 | 10A2 | Đào Phương Chi       | 20/12/2009 |         |
| 15  | 100087 | 10D1 | Đinh Bảo Chi         | 23/03/2009 |         |
| 16  | 100088 | 10D2 | Đinh Phương Chi      | 16/09/2009 |         |
| 17  | 100089 | 10A1 | Đỗ Quỳnh Chi         | 11/08/2009 |         |
| 18  | 100090 | 10A6 | Hoa Ngọc Khánh Chi   | 28/10/2009 |         |
| 19  | 100091 | 10D2 | Lê Khánh Chi         | 08/05/2009 |         |
| 20  | 100092 | 10D3 | Lê Thảo Chi          | 18/06/2009 |         |
| 21  | 100093 | 10D5 | Ngô Khánh Chi        | 17/11/2009 |         |
| 22  | 100094 | 10D4 | Nguyễn Bảo Lâm Chi   | 21/07/2009 |         |
| 23  | 100095 | 10A2 | Nguyễn Khánh Chi     | 19/04/2009 |         |
| 24  | 100096 | 10A4 | Nguyễn Khánh Chi     | 01/10/2009 |         |
| 25  |        |      |                      |            |         |
| 26  |        |      |                      |            |         |
| 27  |        |      |                      |            |         |
| 28  |        |      |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:5

Tại phòng:

201

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS        | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|---------------------|------------|---------|
| 1   | 100097 | 10D5 | Nguyễn Khánh Chi    | 24/11/2009 |         |
| 2   | 100098 | 10A5 | Nguyễn Linh Chi     | 21/05/2009 |         |
| 3   | 100099 | 10D5 | Nguyễn Linh Chi     | 24/11/2009 |         |
| 4   | 100100 | 10D1 | Nguyễn Phương Chi   | 27/07/2009 |         |
| 5   | 100101 | 10D2 | Nguyễn Phương Chi   | 10/11/2009 |         |
| 6   | 100102 | 10A6 | Nguyễn Quỳnh Chi    | 11/12/2009 |         |
| 7   | 100103 | 10D3 | Nguyễn Thùy Chi     | 11/03/2009 |         |
| 8   | 100104 | 10A4 | Nguyễn Tuệ Minh Chi | 27/10/2009 |         |
| 9   | 100105 | 10D4 | Nguyễn Vân Chi      | 24/03/2009 |         |
| 10  | 100106 | 10A3 | Phạm Lê Khánh Chi   | 01/06/2009 |         |
| 11  | 100107 | 10A5 | Phí Khánh Chi       | 16/10/2009 |         |
| 12  | 100108 | 10D5 | Trương Bùi Linh Chi | 11/12/2009 |         |
| 13  | 100109 | 10A2 | Nguyễn Tiến Chiến   | 14/04/2009 |         |
| 14  | 100110 | 10A4 | Nguyễn Quốc Chiêu   | 22/10/2009 |         |
| 15  | 100111 | 10D5 | Phạm Gia Cương      | 06/08/2009 |         |
| 16  | 100112 | 10A1 | Nguyễn Ngọc Diệp    | 28/11/2009 |         |
| 17  | 100113 | 10A6 | Phan Ngọc Diệp      | 29/05/2009 |         |
| 18  | 100114 | 10D1 | Trần Hải Ngọc Diệp  | 25/02/2009 |         |
| 19  | 100115 | 10A2 | Đàm Trọng Quốc Dũng | 20/08/2009 |         |
| 20  | 100116 | 10A5 | Hoàng Dũng          | 12/10/2009 |         |
| 21  | 100117 | 10D2 | Nguyễn Chí Dũng     | 25/12/2009 |         |
| 22  | 100118 | 10A2 | Nguyễn Đào Trí Dũng | 18/12/2009 |         |
| 23  | 100119 | 10A1 | Nguyễn Minh Dũng    | 22/01/2009 |         |
| 24  | 100120 | 10A6 | Nguyễn Trí Dũng     | 12/09/2009 |         |
| 25  |        |      |                     |            |         |
| 26  |        |      |                     |            |         |
| 27  |        |      |                     |            |         |
| 28  |        |      |                     |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẮT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:6

Tại phòng:

202

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS        | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|---------------------|------------|---------|
| 1   | 100121 | 10D3 | Phạm Việt Dũng      | 03/04/2009 |         |
| 2   | 100122 | 10D4 | Lại Khang Duy       | 12/04/2009 |         |
| 3   | 100123 | 10D3 | Nguyễn Minh Duy     | 08/07/2009 |         |
| 4   | 100124 | 10D2 | Phạm Khánh Duy      | 24/10/2009 |         |
| 5   | 100125 | 10D2 | Nguyễn Hạnh Duyên   | 13/10/2009 |         |
| 6   | 100126 | 10A4 | Đặng Hồ Hoàng Dương | 23/07/2009 |         |
| 7   | 100127 | 10D5 | Nguyễn Thái Dương   | 18/02/2009 |         |
| 8   | 100128 | 10D5 | Trần Lê Đại Dương   | 18/02/2009 |         |
| 9   | 100129 | 10D3 | Từ Thuỳ Dương       | 24/01/2009 |         |
| 10  | 100130 | 10A2 | Lê Trần Khánh Đan   | 18/10/2009 |         |
| 11  | 100131 | 10A3 | Phan Anh Đào        | 31/12/2009 |         |
| 12  | 100132 | 10A2 | Dương Đào Minh Đạt  | 22/10/2009 |         |
| 13  | 100133 | 10A5 | Đỗ Hữu Đạt          | 12/06/2009 |         |
| 14  | 100134 | 10A1 | Nguyễn Tắt Đạt      | 13/12/2009 |         |
| 15  | 100135 | 10A5 | Trần Văn Đạt        | 14/12/2009 |         |
| 16  | 100136 | 10D5 | Hà Minh Đăng        | 08/11/2009 |         |
| 17  | 100137 | 10A3 | Nguyễn Hải Đăng     | 22/05/2009 |         |
| 18  | 100138 | 10D3 | Nguyễn Minh Đăng    | 23/09/2009 |         |
| 19  | 100139 | 10D4 | Phạm Hải Đăng       | 19/10/2009 |         |
| 20  | 100140 | 10D5 | Kiều Khoa Điền      | 26/03/2009 |         |
| 21  | 100141 | 10A1 | Đào Anh Đức         | 06/07/2009 |         |
| 22  | 100142 | 10D1 | Huỳnh Anh Đức       | 17/02/2009 |         |
| 23  | 100143 | 10A2 | Ngô Minh Đức        | 23/08/2009 |         |
| 24  | 100144 | 10A3 | Nguyễn Anh Đức      | 19/07/2009 |         |
| 25  |        |      |                     |            |         |
| 26  |        |      |                     |            |         |
| 27  |        |      |                     |            |         |
| 28  |        |      |                     |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:7

Tại phòng:

203

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 100145 | 10A3 | Nguyễn Hữu Đức       | 20/11/2009 |         |
| 2   | 100146 | 10A1 | Nguyễn Minh Đức      | 02/06/2009 |         |
| 3   | 100147 | 10A2 | Nguyễn Minh Đức      | 29/08/2009 |         |
| 4   | 100148 | 10A6 | Nguyễn Phan Minh Đức | 22/06/2009 |         |
| 5   | 100149 | 10A3 | Nguyễn Trọng Anh Đức | 31/12/2009 |         |
| 6   | 100150 | 10A4 | Phan Anh Đức         | 07/10/2009 |         |
| 7   | 100151 | 10D3 | Trần Anh Đức         | 11/12/2009 |         |
| 8   | 100152 | 10A1 | Vũ Chí Đức           | 02/05/2009 |         |
| 9   | 100153 | 10D4 | Vũ Minh Đức          | 09/06/2009 |         |
| 10  | 100154 | 10D4 | Lê Hương Giang       | 25/08/2009 |         |
| 11  | 100155 | 10D1 | Lưu Ngân Giang       | 15/07/2009 |         |
| 12  | 100156 | 10D2 | Trần Phương Giang    | 03/09/2009 |         |
| 13  | 100157 | 10D3 | Vũ Hồng Giang        | 26/08/2009 |         |
| 14  | 100158 | 10A4 | Vũ Tuệ Giang         | 27/01/2009 |         |
| 15  | 100159 | 10A5 | Lại Thu Hà           | 06/10/2009 |         |
| 16  | 100160 | 10D4 | Ngô Ngọc Hà          | 29/07/2009 |         |
| 17  | 100161 | 10A2 | Nguyễn Ngân Hà       | 15/02/2009 |         |
| 18  | 100162 | 10D1 | Bùi Mạnh Hải         | 10/12/2009 |         |
| 19  | 100163 | 10A2 | Đỗ Hoàng Hải         | 24/07/2009 |         |
| 20  | 100164 | 10A3 | Hoàng Trung Hải      | 02/07/2009 |         |
| 21  | 100165 | 10D2 | Lê Diên Hải          | 23/08/2009 |         |
| 22  | 100166 | 10A5 | Lê Quang Đức Hải     | 24/12/2009 |         |
| 23  | 100167 | 10A6 | Nguyễn Thanh Hải     | 18/10/2009 |         |
| 24  | 100168 | 10D3 | Nguyễn Trường Hải    | 07/10/2009 |         |
| 25  |        |      |                      |            |         |
| 26  |        |      |                      |            |         |
| 27  |        |      |                      |            |         |
| 28  |        |      |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:8

Tại phòng:

204

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100169 | 10D1 | Phùng Lê Mai Hạnh     | 16/02/2009 |         |
| 2   | 100170 | 10A1 | Bùi Thanh Hằng        | 17/02/2009 |         |
| 3   | 100171 | 10D2 | Dương Minh Hằng       | 28/11/2009 |         |
| 4   | 100172 | 10A2 | Lê Ngọc Gia Hân       | 23/07/2009 |         |
| 5   | 100173 | 10A6 | Nguyễn Gia Hân        | 16/03/2009 |         |
| 6   | 100174 | 10D5 | Nguyễn Hoàng Gia Hân  | 17/09/2009 |         |
| 7   | 100175 | 10D5 | Trần Phạm Khánh Hân   | 23/02/2009 |         |
| 8   | 100176 | 10D4 | Nguyễn Chí Hiên       | 05/11/2009 |         |
| 9   | 100177 | 10A4 | Nguyễn Gia Hiên       | 01/02/2009 |         |
| 10  | 100178 | 10A1 | Nguyễn Minh Hiên      | 28/01/2009 |         |
| 11  | 100179 | 10A1 | Nguyễn Bá Gia Hiếu    | 04/04/2009 |         |
| 12  | 100180 | 10A4 | Nguyễn Diệu Hoa       | 24/11/2009 |         |
| 13  | 100181 | 10D1 | Nguyễn Vũ Khánh Hòa   | 17/06/2009 |         |
| 14  | 100182 | 10D2 | Nguyễn Hữu Hoàng      | 15/09/2009 |         |
| 15  | 100183 | 10D1 | Nguyễn Trí Minh Hoàng | 02/05/2009 |         |
| 16  | 100184 | 10A1 | Nguyễn Việt Hoàng     | 14/08/2009 |         |
| 17  | 100185 | 10D5 | Phạm Việt Hùng        | 02/07/2009 |         |
| 18  | 100186 | 10D3 | Vũ Trí Hùng           | 05/02/2009 |         |
| 19  | 100187 | 10A1 | Lê Khánh Gia Huy      | 23/06/2009 |         |
| 20  | 100188 | 10D4 | Lê Minh Huy           | 16/12/2009 |         |
| 21  | 100189 | 10D1 | Nguyễn Quang Huy      | 24/09/2009 |         |
| 22  | 100190 | 10D1 | Ong Đức Huy           | 15/02/2009 |         |
| 23  | 100191 | 10A5 | Phạm Gia Huy          | 28/04/2009 |         |
| 24  | 100192 | 10D3 | Tạ Quang Huy          | 22/02/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |



TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:9

Tại phòng:

206

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100193 | 10D4 | Trần Minh Huy         | 18/09/2009 |         |
| 2   | 100194 | 10A3 | Vũ Đức Huy            | 22/08/2009 |         |
| 3   | 100195 | 10A3 | Vũ Gia Huy            | 18/06/2009 |         |
| 4   | 100196 | 10A5 | Chu Khánh Huyền       | 05/04/2009 |         |
| 5   | 100197 | 10A1 | Hà Ngọc Hưng          | 23/06/2009 |         |
| 6   | 100198 | 10A2 | Lê Văn Nguyên Hưng    | 21/07/2009 |         |
| 7   | 100199 | 10D1 | Nguyễn Như Phước Hưng | 03/03/2009 |         |
| 8   | 100200 | 10D5 | Nguyễn Phú Hưng       | 10/10/2009 |         |
| 9   | 100201 | 10A6 | Phạm Gia Hưng         | 11/08/2009 |         |
| 10  | 100202 | 10D1 | Phạm Tuấn Hưng        | 05/03/2009 |         |
| 11  | 100203 | 10A4 | Phạm Gia Bảo Kha      | 13/01/2009 |         |
| 12  | 100204 | 10D2 | Triệu Quang Khải      | 19/02/2009 |         |
| 13  | 100205 | 10A5 | Trần Hưng Khang       | 07/12/2009 |         |
| 14  | 100206 | 10A3 | Trần Nhật Khang       | 29/09/2009 |         |
| 15  | 100207 | 10A1 | Vũ Trọng Khang        | 27/09/2009 |         |
| 16  | 100208 | 10D3 | Ngô Tuấn Khanh        | 11/08/2009 |         |
| 17  | 100209 | 10D5 | Tô Diệu Khanh         | 02/05/2009 |         |
| 18  | 100210 | 10D4 | Bùi Nam Khánh         | 30/11/2009 |         |
| 19  | 100211 | 10D1 | Đặng Gia Khánh        | 06/01/2009 |         |
| 20  | 100212 | 10A2 | Đỗ Nam Khánh          | 20/02/2009 |         |
| 21  | 100213 | 10A6 | Hoàng Quốc Khánh      | 27/10/2009 |         |
| 22  | 100214 | 10A3 | Lê Gia Khánh          | 28/05/2009 |         |
| 23  | 100215 | 10A6 | Nguyễn Ngọc Khánh     | 24/01/2009 |         |
| 24  | 100216 | 10A1 | Phạm Quốc Khánh       | 01/02/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:10

Tại phòng:

210

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100217 | 10A4 | Trần Nam Khánh        | 24/12/2009 |         |
| 2   | 100218 | 10A4 | Trần Văn Khánh        | 13/08/2009 |         |
| 3   | 100219 | 10A5 | Vũ Ngọc Khánh         | 29/03/2009 |         |
| 4   | 100220 | 10D2 | Đinh Huy Tuấn Khoa    | 11/10/2009 |         |
| 5   | 100221 | 10A5 | Nguyễn Minh Khoa      | 01/08/2009 |         |
| 6   | 100222 | 10D3 | Nguyễn Quốc Minh Khoa | 18/08/2009 |         |
| 7   | 100223 | 10A4 | Phí Văn Anh Khoa      | 08/05/2009 |         |
| 8   | 100224 | 10A4 | Đoàn Đăng Khôi        | 18/07/2009 |         |
| 9   | 100225 | 10D3 | Nguyễn Duy Khôi       | 19/02/2009 |         |
| 10  | 100226 | 10A3 | Nguyễn Minh Khôi      | 15/12/2009 |         |
| 11  | 100227 | 10A5 | Nguyễn Thế Khôi       | 14/09/2009 |         |
| 12  | 100228 | 10A6 | Phạm Ngọc Anh Khôi    | 04/09/2009 |         |
| 13  | 100229 | 10D4 | Trần Đức Khôi         | 21/08/2009 |         |
| 14  | 100230 | 10D1 | Trần Bảo Khuê         | 03/03/2009 |         |
| 15  | 100231 | 10A1 | Nguyễn Minh Khuyển    | 12/02/2009 |         |
| 16  | 100232 | 10D1 | Nguyễn Đức Kiên       | 30/07/2009 |         |
| 17  | 100233 | 10D2 | Vũ Hồng Gia Kiên      | 09/04/2009 |         |
| 18  | 100234 | 10A4 | Bùi Anh Kiệt          | 03/07/2009 |         |
| 19  | 100235 | 10D3 | Hoàng Lâm Kiệt        | 08/03/2009 |         |
| 20  | 100236 | 10D4 | Trịnh Chi Lan         | 19/11/2009 |         |
| 21  | 100237 | 10D4 | Cao Hưng Lâm          | 02/12/2009 |         |
| 22  | 100238 | 10A5 | Hoàng Hữu Lâm         | 23/05/2009 |         |
| 23  | 100239 | 10A6 | Nguyễn Bảo Lâm        | 02/02/2009 |         |
| 24  | 100240 | 10A2 | Nguyễn Cao Tùng Lâm   | 11/08/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:11

Tại phòng:

211

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS            | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-------------------------|------------|---------|
| 1   | 100241 | 10A4 | Nguyễn Thanh Lâm        | 03/01/2009 |         |
| 2   | 100242 | 10A5 | Nguyễn Trần Hoàng Lâm   | 26/05/2009 |         |
| 3   | 100243 | 10D1 | Nguyễn Tuệ Lâm          | 01/08/2009 |         |
| 4   | 100244 | 10A3 | Phạm Nguyên Lâm         | 30/10/2009 |         |
| 5   | 100245 | 10D1 | Vũ Bảo Lâm              | 29/12/2009 |         |
| 6   | 100246 | 10A6 | Nguyễn Hoàng Lâm        | 19/09/2009 |         |
| 7   | 100247 | 10D5 | Nguyễn Uyển Lệ          | 01/06/2009 |         |
| 8   | 100248 | 10D2 | Bùi Hà Linh             | 11/01/2009 |         |
| 9   | 100249 | 10A6 | Hoàng Khánh Linh        | 19/09/2009 |         |
| 10  | 100250 | 10D3 | Lê Gia Linh             | 09/02/2009 |         |
| 11  | 100251 | 10D4 | Lê Hoàng Khánh Linh     | 19/12/2009 |         |
| 12  | 100252 | 10D5 | Ngô Hà Phương Linh      | 10/09/2009 |         |
| 13  | 100253 | 10A4 | Ngô Hiểu Linh           | 12/04/2009 |         |
| 14  | 100254 | 10D4 | Nguyễn Bảo Linh         | 28/08/2009 |         |
| 15  | 100255 | 10A5 | Nguyễn Đặng Phương Linh | 05/11/2009 |         |
| 16  | 100256 | 10D5 | Nguyễn Gia Linh         | 24/04/2009 |         |
| 17  | 100257 | 10A6 | Nguyễn Hải Linh         | 02/07/2009 |         |
| 18  | 100258 | 10D1 | Nguyễn Khánh Linh       | 25/07/2009 |         |
| 19  | 100259 | 10D2 | Nguyễn Khánh Linh       | 09/11/2009 |         |
| 20  | 100260 | 10A4 | Nguyễn Ngọc Linh        | 26/04/2009 |         |
| 21  | 100261 | 10D3 | Nguyễn Phan Hà Linh     | 31/10/2009 |         |
| 22  | 100262 | 10A5 | Nguyễn Thị Hà Linh      | 05/10/2009 |         |
| 23  | 100263 | 10A3 | Nguyễn Thị Thảo Linh    | 01/03/2009 |         |
| 24  | 100264 | 10A1 | Nguyễn Trần Hà Linh     | 19/09/2009 |         |
| 25  |        |      |                         |            |         |
| 26  |        |      |                         |            |         |
| 27  |        |      |                         |            |         |
| 28  |        |      |                         |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:12

Tại phòng:

212

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100265 | 10A6 | Phan Phương Linh      | 11/10/2009 |         |
| 2   | 100266 | 10D4 | Trần Diệu Linh        | 20/01/2009 |         |
| 3   | 100267 | 10A4 | Trần Phương Linh      | 13/10/2009 |         |
| 4   | 100268 | 10D1 | Trần Thị Hà Linh      | 30/10/2009 |         |
| 5   | 100269 | 10A5 | Trần Tú Linh          | 11/01/2009 |         |
| 6   | 100270 | 10D2 | Trịnh Thái Hương Linh | 20/11/2009 |         |
| 7   | 100271 | 10D5 | Vũ Mai Linh           | 12/01/2009 |         |
| 8   | 100272 | 10D3 | Vũ Phan Linh          | 09/12/2009 |         |
| 9   | 100273 | 10A1 | Đỗ Thăng Long         | 25/05/2009 |         |
| 10  | 100274 | 10A3 | Hà Hiễn Long          | 15/08/2009 |         |
| 11  | 100275 | 10A4 | Nguyễn Thành Long     | 25/01/2009 |         |
| 12  | 100276 | 10A3 | Nguyễn Tiến Long      | 22/02/2009 |         |
| 13  | 100277 | 10A5 | Trần Hải Long         | 14/05/2009 |         |
| 14  | 100278 | 10D2 | Vũ Minh Long          | 27/03/2009 |         |
| 15  | 100279 | 10A6 | Vũ Thành Long         | 19/12/2009 |         |
| 16  | 100280 | 10A4 | Thái Thành Luân       | 24/09/2009 |         |
| 17  | 100281 | 10D5 | Phạm Chi Mai          | 13/10/2009 |         |
| 18  | 100282 | 10A6 | Trần Hà Ban Mai       | 05/07/2009 |         |
| 19  | 100283 | 10D4 | Trần Quỳnh Mai        | 09/02/2008 |         |
| 20  | 100284 | 10A2 | Ngô Huệ Mẫn           | 07/05/2009 |         |
| 21  | 100285 | 10A5 | Đàm Phan Quang Minh   | 10/06/2009 |         |
| 22  | 100286 | 10A1 | Đàm Vũ Nhật Minh      | 10/02/2009 |         |
| 23  | 100287 | 10D3 | Đặng Vũ Minh          | 29/04/2009 |         |
| 24  | 100288 | 10D4 | Đinh Đức Minh         | 22/11/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:13

Tại phòng:

215

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS      | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-------------------|------------|---------|
| 1   | 100289 | 10A1 | Đỗ Anh Minh       | 01/02/2009 |         |
| 2   | 100290 | 10A3 | Đỗ Ngọc Minh      | 19/07/2009 |         |
| 3   | 100291 | 10A4 | Đồng Đức Minh     | 30/07/2009 |         |
| 4   | 100292 | 10A5 | Hà Duy Minh       | 09/12/2009 |         |
| 5   | 100293 | 10D1 | Hoàng Cao Minh    | 28/06/2009 |         |
| 6   | 100294 | 10D3 | Hoàng Nhật Minh   | 03/08/2009 |         |
| 7   | 100295 | 10A6 | Hoàng Tuấn Minh   | 02/04/2009 |         |
| 8   | 100296 | 10A3 | Lê Minh           | 14/01/2009 |         |
| 9   | 100297 | 10A1 | Lê Đức Minh       | 08/10/2009 |         |
| 10  | 100298 | 10D4 | Lê Tuệ Minh       | 25/03/2009 |         |
| 11  | 100299 | 10A4 | Ngô Hiếu Minh     | 21/04/2009 |         |
| 12  | 100300 | 10A5 | Ngô Hoàng Minh    | 24/08/2009 |         |
| 13  | 100301 | 10A6 | Ngô Hoàng Minh    | 12/09/2009 |         |
| 14  | 100302 | 10A4 | Ngô Nhật Minh     | 06/12/2009 |         |
| 15  | 100303 | 10A2 | Nguyễn Bình Minh  | 21/01/2009 |         |
| 16  | 100304 | 10D5 | Nguyễn Danh Minh  | 17/02/2009 |         |
| 17  | 100305 | 10A1 | Nguyễn Duy Minh   | 28/03/2009 |         |
| 18  | 100306 | 10D2 | Nguyễn Duy Minh   | 19/06/2009 |         |
| 19  | 100307 | 10A5 | Nguyễn Đức Minh   | 29/07/2009 |         |
| 20  | 100308 | 10D3 | Nguyễn Đức Minh   | 25/08/2009 |         |
| 21  | 100309 | 10D5 | Nguyễn Đức Minh   | 17/04/2009 |         |
| 22  | 100310 | 10D4 | Nguyễn Gia Minh   | 11/10/2009 |         |
| 23  | 100311 | 10A2 | Nguyễn Hoàng Minh | 19/01/2009 |         |
| 24  | 100312 | 10D5 | Nguyễn Ngọc Minh  | 23/03/2009 |         |
| 25  |        |      |                   |            |         |
| 26  |        |      |                   |            |         |
| 27  |        |      |                   |            |         |
| 28  |        |      |                   |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:14

Tại phòng:

216

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100313 | 10D1 | Nguyễn Nhật Minh      | 19/09/2009 |         |
| 2   | 100314 | 10D5 | Nguyễn Phan Hiểu Minh | 22/10/2009 |         |
| 3   | 100315 | 10A6 | Nguyễn Quang Minh     | 18/06/2009 |         |
| 4   | 100316 | 10A1 | Nguyễn Tấn Minh       | 01/09/2009 |         |
| 5   | 100317 | 10D2 | Nguyễn Tuấn Minh      | 07/11/2009 |         |
| 6   | 100318 | 10A2 | Nguyễn Vũ Minh        | 14/08/2009 |         |
| 7   | 100319 | 10D2 | Phạm Ánh Minh         | 31/10/2009 |         |
| 8   | 100320 | 10A6 | Phạm Đức Minh         | 19/12/2009 |         |
| 9   | 100321 | 10D3 | Tổng Nhật Minh        | 01/10/2009 |         |
| 10  | 100322 | 10A4 | Trần Đức Minh         | 21/08/2009 |         |
| 11  | 100323 | 10A4 | Trần Nguyễn Ngọc Minh | 28/08/2009 |         |
| 12  | 100324 | 10D4 | Trần Tuấn Minh        | 02/08/2009 |         |
| 13  | 100325 | 10D1 | Trần Vĩnh Minh        | 20/12/2009 |         |
| 14  | 100326 | 10A5 | Trịnh Đức Anh Minh    | 21/03/2009 |         |
| 15  | 100327 | 10D2 | Vũ Anh Minh           | 22/08/2009 |         |
| 16  | 100328 | 10A6 | Vũ Đức Minh           | 23/03/2009 |         |
| 17  | 100329 | 10D3 | Vũ Lê Nhật Minh       | 16/01/2009 |         |
| 18  | 100330 | 10D3 | Đỗ Hà My              | 27/08/2009 |         |
| 19  | 100331 | 10D4 | Nguyễn Trà My         | 14/09/2009 |         |
| 20  | 100332 | 10D1 | Nguyễn Trần Thiện Mỹ  | 08/01/2009 |         |
| 21  | 100333 | 10A3 | Hoàng Đức Nam         | 02/01/2009 |         |
| 22  | 100334 | 10A1 | Lương Hải Nam         | 20/01/2009 |         |
| 23  | 100335 | 10D4 | Nguyễn Danh Nam       | 14/07/2009 |         |
| 24  | 100336 | 10A4 | Nguyễn Hải Nam        | 18/06/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:15

Tại phòng:

218

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 100337 | 10A5 | Nguyễn Nhật Nam      | 27/03/2009 |         |
| 2   | 100338 | 10D1 | Phạm Lê Bảo Nam      | 15/01/2009 |         |
| 3   | 100339 | 10A2 | Trần Hải Nam         | 15/09/2009 |         |
| 4   | 100340 | 10A3 | Trần Nhật Nam        | 02/01/2009 |         |
| 5   | 100341 | 10A3 | Trần Tuấn Nam        | 18/05/2009 |         |
| 6   | 100342 | 10A6 | Vũ Duy Nam           | 18/08/2009 |         |
| 7   | 100343 | 10A3 | Vũ Hải Nam           | 20/05/2009 |         |
| 8   | 100344 | 10A1 | Trần Khánh Nga       | 02/09/2009 |         |
| 9   | 100345 | 10D2 | Nguyễn Hiếu Ngân     | 07/06/2009 |         |
| 10  | 100346 | 10D3 | Phạm Khánh Ngân      | 22/11/2009 |         |
| 11  | 100347 | 10A5 | Trần Bảo Ngân        | 23/04/2009 |         |
| 12  | 100348 | 10D4 | Vũ Hiếu Ngân         | 25/10/2009 |         |
| 13  | 100349 | 10A4 | Đào Trọng Nghĩa      | 07/10/2009 |         |
| 14  | 100350 | 10A1 | Nguyễn Lê Minh Nghĩa | 03/12/2009 |         |
| 15  | 100351 | 10D1 | Bùi Lê Minh Ngọc     | 06/05/2009 |         |
| 16  | 100352 | 10A3 | Đỗ Bảo Ngọc          | 19/10/2009 |         |
| 17  | 100353 | 10A3 | Đỗ Minh Ngọc         | 19/10/2009 |         |
| 18  | 100354 | 10D3 | Nguyễn Khánh Ngọc    | 24/05/2009 |         |
| 19  | 100355 | 10A1 | Nguyễn Minh Ngọc     | 24/11/2009 |         |
| 20  | 100356 | 10D4 | Nguyễn Minh Ngọc     | 11/10/2009 |         |
| 21  | 100357 | 10A6 | Nguyễn Như Ngọc      | 21/12/2009 |         |
| 22  | 100358 | 10D5 | Nguyễn Thanh Ngọc    | 17/09/2009 |         |
| 23  | 100359 | 10D2 | Phạm Vũ Bảo Ngọc     | 20/01/2009 |         |
| 24  | 100360 | 10A2 | Trần Đỗ Bảo Ngọc     | 20/03/2009 |         |
| 25  |        |      |                      |            |         |
| 26  |        |      |                      |            |         |
| 27  |        |      |                      |            |         |
| 28  |        |      |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:16

Tại phòng:

219

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS             | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|--------------------------|------------|---------|
| 1   | 100361 | 10A4 | Vũ Lê Bảo Ngọc           | 14/03/2009 |         |
| 2   | 100362 | 10D5 | Đỗ Lê Nguyên             | 07/06/2009 |         |
| 3   | 100363 | 10D2 | Giang Phúc Nguyên        | 15/10/2009 |         |
| 4   | 100364 | 10D5 | Hoàng Hoa Thảo Nguyên    | 14/09/2009 |         |
| 5   | 100365 | 10A3 | Hoàng Thanh Thảo Nguyên  | 14/01/2009 |         |
| 6   | 100366 | 10D3 | Lê Vũ Nguyên             | 28/12/2009 |         |
| 7   | 100367 | 10D4 | Ngô Chí Nguyên           | 05/10/2009 |         |
| 8   | 100368 | 10A5 | Nguyễn Bình Nguyên       | 14/09/2009 |         |
| 9   | 100369 | 10D1 | Nguyễn Đăng Nguyên       | 05/01/2009 |         |
| 10  | 100370 | 10A6 | Nguyễn Đình Nguyên       | 04/10/2009 |         |
| 11  | 100371 | 10A2 | Nguyễn Trí Nguyên        | 09/11/2009 |         |
| 12  | 100372 | 10D2 | Phạm Nguyễn Hoàng Nguyên | 19/07/2009 |         |
| 13  | 100373 | 10D2 | Trần Khôi Nguyên         | 15/09/2009 |         |
| 14  | 100374 | 10A3 | Dương Đức Nhân           | 28/03/2009 |         |
| 15  | 100375 | 10D1 | Lê Minh Nhật             | 30/09/2009 |         |
| 16  | 100376 | 10A1 | Lê Quang Nhật            | 09/11/2009 |         |
| 17  | 100377 | 10D3 | Nguyễn Thanh Nhi         | 25/06/2009 |         |
| 18  | 100378 | 10A1 | Phạm Hà Nhi              | 17/06/2009 |         |
| 19  | 100379 | 10D5 | Nguyễn Hiếu Nhiên        | 18/02/2009 |         |
| 20  | 100380 | 10D4 | Kiều Tuyết Nhung         | 20/11/2009 |         |
| 21  | 100381 | 10A2 | Nguyễn Trang Nhung       | 14/01/2009 |         |
| 22  | 100382 | 10D3 | Nguyễn Uyển Như          | 11/05/2009 |         |
| 23  | 100383 | 10A5 | Phạm Quỳnh Như           | 24/06/2009 |         |
| 24  | 100384 | 10A6 | Trần Gia Như             | 01/11/2009 |         |
| 25  |        |      |                          |            |         |
| 26  |        |      |                          |            |         |
| 27  |        |      |                          |            |         |
| 28  |        |      |                          |            |         |



TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:17

Tại phòng:

301

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS           | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|------------------------|------------|---------|
| 1   | 100385 | 10A5 | Mai Vũ Duy Phong       | 11/09/2009 |         |
| 2   | 100386 | 10A2 | Nguyễn Nam Phong       | 16/10/2009 |         |
| 3   | 100387 | 10D3 | Dương Đình Phúc        | 03/11/2009 |         |
| 4   | 100388 | 10A6 | Đình Huy Phúc          | 24/09/2009 |         |
| 5   | 100389 | 10D4 | Đỗ Hồng Phúc           | 22/04/2009 |         |
| 6   | 100390 | 10D5 | Bùi Phạm Nam Phương    | 22/04/2009 |         |
| 7   | 100391 | 10D5 | Đình Hạnh Phương       | 17/11/2009 |         |
| 8   | 100392 | 10D2 | Đỗ Lê Hà Phương        | 31/08/2009 |         |
| 9   | 100393 | 10D3 | Đỗ Tú Phương           | 22/09/2009 |         |
| 10  | 100394 | 10A4 | Lê Hồng Phương         | 02/02/2009 |         |
| 11  | 100395 | 10D2 | Nguyễn Gia Phương      | 02/11/2009 |         |
| 12  | 100396 | 10D5 | Nguyễn Hà Phương       | 13/11/2009 |         |
| 13  | 100397 | 10A3 | Nguyễn Quý Thảo Phương | 10/03/2009 |         |
| 14  | 100398 | 10A4 | Nguyễn Xuân Phương     | 17/05/2009 |         |
| 15  | 100399 | 10A5 | Phạm Hà Phương         | 20/02/2009 |         |
| 16  | 100400 | 10D4 | Trần Thị Hà Phương     | 26/01/2009 |         |
| 17  | 100401 | 10D3 | Bùi Minh Quang         | 06/03/2009 |         |
| 18  | 100402 | 10A5 | Dương Đăng Quang       | 03/03/2009 |         |
| 19  | 100403 | 10A6 | Lê Minh Quang          | 25/03/2009 |         |
| 20  | 100404 | 10A3 | Lê Sỹ Quang            | 09/01/2009 |         |
| 21  | 100405 | 10A3 | Nguyễn Bá Quang        | 10/04/2009 |         |
| 22  | 100406 | 10A1 | Nguyễn Minh Quang      | 02/04/2009 |         |
| 23  | 100407 | 10D4 | Trịnh Đình Nhật Quang  | 02/02/2009 |         |
| 24  | 100408 | 10A4 | Bùi Vũ Hồng Quân       | 06/02/2009 |         |
| 25  |        |      |                        |            |         |
| 26  |        |      |                        |            |         |
| 27  |        |      |                        |            |         |
| 28  |        |      |                        |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGŨ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:18

Tại phòng:

302

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 100409 | 10A5 | Nguyễn Trung Quân    | 26/11/2009 |         |
| 2   | 100410 | 10D1 | Đỗ Thục Quyên        | 30/09/2009 |         |
| 3   | 100411 | 10A6 | Nguyễn Tú Quyên      | 30/08/2009 |         |
| 4   | 100412 | 10D2 | Nguyễn Phương Quỳnh  | 19/05/2009 |         |
| 5   | 100413 | 10A4 | Nguyễn Xuân Quỳnh    | 06/03/2009 |         |
| 6   | 100414 | 10A2 | Nguyễn Vĩnh Sang     | 19/11/2009 |         |
| 7   | 100415 | 10D1 | Trịnh Thế Sang       | 21/04/2009 |         |
| 8   | 100416 | 10D2 | Dương Sơn            | 15/08/2009 |         |
| 9   | 100417 | 10A6 | Hồ Tùng Sơn          | 20/05/2009 |         |
| 10  | 100418 | 10A4 | Lê Bá Thái Sơn       | 12/12/2009 |         |
| 11  | 100419 | 10D3 | Lê Nguyễn Bảo Sơn    | 01/12/2009 |         |
| 12  | 100420 | 10D2 | Nguyễn Bảo Sơn       | 03/01/2009 |         |
| 13  | 100421 | 10A5 | Nguyễn Lê Sơn        | 04/06/2009 |         |
| 14  | 100422 | 10D5 | Nguyễn Lê Sơn        | 21/01/2009 |         |
| 15  | 100423 | 10A3 | Nguyễn Thái Sơn      | 01/11/2009 |         |
| 16  | 100424 | 10A3 | Phạm Hoàng Sơn       | 25/07/2009 |         |
| 17  | 100425 | 10D1 | Trần Kim Sơn         | 24/12/2009 |         |
| 18  | 100426 | 10D1 | Vũ Nam Sơn           | 14/09/2009 |         |
| 19  | 100427 | 10D5 | Dương Thanh Thanh    | 01/12/2009 |         |
| 20  | 100428 | 10D5 | Lê Hiền Thanh        | 25/02/2009 |         |
| 21  | 100429 | 10A4 | Hoàng Châu Thành     | 13/11/2009 |         |
| 22  | 100430 | 10A3 | Mai Phúc Thành       | 26/04/2009 |         |
| 23  | 100431 | 10D3 | Phạm Ngọc Thành      | 25/06/2009 |         |
| 24  | 100432 | 10D3 | Đinh Thị Phương Thảo | 22/12/2009 |         |
| 25  |        |      |                      |            |         |
| 26  |        |      |                      |            |         |
| 27  |        |      |                      |            |         |
| 28  |        |      |                      |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:19

Tại phòng:

303

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS          | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|-----------------------|------------|---------|
| 1   | 100433 | 10A5 | Hoàng Minh Thảo       | 20/09/2009 |         |
| 2   | 100434 | 10A1 | Ngô Thị Thảo          | 04/01/2009 |         |
| 3   | 100435 | 10A6 | Nguyễn Diệu Thảo      | 05/04/2009 |         |
| 4   | 100436 | 10A4 | Nguyễn Minh Thảo      | 03/06/2009 |         |
| 5   | 100437 | 10D4 | Nguyễn Phương Thảo    | 23/11/2009 |         |
| 6   | 100438 | 10D5 | Trần Phương Thảo      | 04/12/2009 |         |
| 7   | 100439 | 10D1 | Trương Ngọc Thảo      | 11/08/2009 |         |
| 8   | 100440 | 10D3 | Lê Quang Thắng        | 16/07/2009 |         |
| 9   | 100441 | 10D2 | Lê Phan Nhật Thi      | 07/01/2009 |         |
| 10  | 100442 | 10A6 | Bùi Chí Thông         | 29/07/2009 |         |
| 11  | 100443 | 10A5 | Nguyễn Minh Thu       | 27/08/2009 |         |
| 12  | 100444 | 10A4 | Lê Đình Thuận         | 19/12/2009 |         |
| 13  | 100445 | 10D3 | Trần Thanh Thủy       | 28/12/2009 |         |
| 14  | 100446 | 10A2 | Đoàn Vũ Anh Thư       | 11/12/2009 |         |
| 15  | 100447 | 10A4 | Mai Vũ Anh Thư        | 30/11/2009 |         |
| 16  | 100448 | 10D5 | Nguyễn Anh Thư        | 29/10/2009 |         |
| 17  | 100449 | 10A3 | Nguyễn Minh Thư       | 04/10/2009 |         |
| 18  | 100450 | 10D4 | Phạm Khánh Thư        | 30/08/2009 |         |
| 19  | 100451 | 10A6 | Tiêu Hà Anh Thư       | 02/11/2009 |         |
| 20  | 100452 | 10A5 | Phạm Ngọc Khánh Tiến  | 29/10/2009 |         |
| 21  | 100453 | 10A1 | Nguyễn Thị Phương Trà | 26/11/2009 |         |
| 22  | 100454 | 10D1 | Bùi Yến Trang         | 12/11/2009 |         |
| 23  | 100455 | 10D2 | Đào Thảo Trang        | 20/08/2009 |         |
| 24  | 100456 | 10A5 | Lâm Ngọc Tracy Trang  | 15/05/2009 |         |
| 25  |        |      |                       |            |         |
| 26  |        |      |                       |            |         |
| 27  |        |      |                       |            |         |
| 28  |        |      |                       |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:20

Tại phòng:

304

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS        | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|---------------------|------------|---------|
| 1   | 100457 | 10D5 | Nguyễn Phương Trang | 27/10/2009 |         |
| 2   | 100458 | 10D3 | Nguyễn Thiên Trang  | 10/09/2009 |         |
| 3   | 100459 | 10D4 | Phạm Thùy Trang     | 22/09/2009 |         |
| 4   | 100460 | 10A6 | Trần Huyền Trang    | 18/04/2009 |         |
| 5   | 100461 | 10D1 | Vũ Ngọc Huyền Trang | 14/05/2009 |         |
| 6   | 100462 | 10D2 | Phạm Ngọc Trân      | 23/08/2009 |         |
| 7   | 100463 | 10D3 | Trần Lê Bảo Trân    | 16/02/2009 |         |
| 8   | 100464 | 10D5 | Nguyễn Cao Trí      | 28/07/2009 |         |
| 9   | 100465 | 10A1 | Phan Quốc Trung     | 13/11/2009 |         |
| 10  | 100466 | 10A4 | Trần Đức Trung      | 08/09/2009 |         |
| 11  | 100467 | 10A2 | Vũ Đức Trung        | 11/12/2009 |         |
| 12  | 100468 | 10A3 | Hoàng Minh Tú       | 31/08/2009 |         |
| 13  | 100469 | 10A1 | Nguyễn Hữu Tú       | 31/05/2009 |         |
| 14  | 100470 | 10A2 | Trần Thanh Tú       | 04/02/2009 |         |
| 15  | 100471 | 10A2 | Cao Minh Tuấn       | 16/11/2009 |         |
| 16  | 100472 | 10A3 | Đỗ Anh Tuấn         | 18/07/2009 |         |
| 17  | 100473 | 10A6 | Nguyễn Huy Tuấn     | 23/10/2009 |         |
| 18  | 100474 | 10A4 | Phạm Anh Tuấn       | 08/12/2009 |         |
| 19  | 100475 | 10A5 | Trần Hà Anh Tuấn    | 05/09/2009 |         |
| 20  | 100476 | 10A1 | Đỗ Sơn Tùng         | 27/02/2009 |         |
| 21  | 100477 | 10D4 | Lê Thanh Tùng       | 12/12/2009 |         |
| 22  | 100478 | 10D4 | Nguyễn Minh Tùng    | 08/11/2009 |         |
| 23  | 100479 | 10D2 | Nguyễn Thanh Tùng   | 02/01/2009 |         |
| 24  | 100480 | 10D4 | Phạm Minh Tùng      | 22/07/2009 |         |
| 25  |        |      |                     |            |         |
| 26  |        |      |                     |            |         |
| 27  |        |      |                     |            |         |
| 28  |        |      |                     |            |         |

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA TẬP TRUNG HỌC KÌ II  
MÔN TOÁN + NGỮ VĂN + TIẾNG ANH, KHỐI 10

Phòng số:21

Tại phòng:217

| STT | SBD    | Lớp  | Họ và tên HS         | Ngày sinh  | Ghi chú |
|-----|--------|------|----------------------|------------|---------|
| 1   | 100481 | 10A6 | Trịnh Quang Tùng     | 05/01/2009 |         |
| 2   | 100482 | 10A3 | Lê Ngọc Thy Vân      | 14/03/2009 |         |
| 3   | 100483 | 10A1 | Trần Thanh Vân       | 22/06/2009 |         |
| 4   | 100484 | 10D4 | Hoàng Minh Vũ        | 26/09/2009 |         |
| 5   | 100485 | 10A4 | Tạ Trình Vũ          | 31/01/2009 |         |
| 6   | 100486 | 10A5 | Nguyễn Đức Vượng     | 10/11/2009 |         |
| 7   | 100487 | 10A6 | Lê Ngọc Khánh Vy     | 01/12/2009 |         |
| 8   | 100488 | 10D5 | Nguyễn Ngọc Hà Vy    | 24/05/2009 |         |
| 9   | 100489 | 10A6 | Nguyễn Văn Vy        | 30/05/2009 |         |
| 10  | 100490 | 10A3 | Phương Khánh Vy      | 17/07/2009 |         |
| 11  | 100491 | 10D2 | Phan Thanh Xuân      | 16/09/2009 |         |
| 12  | 100492 | 10D5 | Nguyễn Thị Hoàng Yến | 05/06/2009 |         |
| 13  |        |      |                      |            |         |
| 14  |        |      |                      |            |         |
| 15  |        |      |                      |            |         |
| 16  |        |      |                      |            |         |
| 17  |        |      |                      |            |         |
| 18  |        |      |                      |            |         |
| 19  |        |      |                      |            |         |
| 20  |        |      |                      |            |         |
| 21  |        |      |                      |            |         |
| 22  |        |      |                      |            |         |
| 23  |        |      |                      |            |         |
| 24  |        |      |                      |            |         |
| 25  |        |      |                      |            |         |
| 26  |        |      |                      |            |         |
| 27  |        |      |                      |            |         |
| 28  |        |      |                      |            |         |